TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
KHOA GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

BẢNG ĐIỂM SƠ KẾT KHÓA HỌC
BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CỦ CHI
NĂM HỌC 2016 - 2017

STT	Họ và tên		Nơi sinh	Đường lối phát triển GD & ĐT	Tổng quan về KHQL và QLGD	Quản lí sự thay đổi	QL hành chính nhà nước về GD & ĐT	QL và thực thi hệ thống văn bản QL nhà nước trong giáo dục THCS	Thanh tra, kiểm tra trong GD THCS	Đánh giá, kiểm định chất lượng GD THCS	Lập kế hoạch phát triển trường THCS	QLHĐ dạy học các bộ môn VH trong trường THCS	QL các HĐGD ngoài giờ lên lớp trong trường THCS	QLHĐ Nghiên cứu KHSP ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường	Quản lí nhân sự trong trường THCS	Quản lí tài chính, tài sản trong trường THCS	Xây dựng và phát triển các mối quan hệ của các trường THCS	Xây dựng và phát triển VH nhà trường	Điểm				
				T. Khương	C. Hảo	T. Doanh	T. Phương	C. Hoa	T. Cường	C. Lan	T. Quang	C. Ngân	T. Quang	C. Hương	T. Sơn	T. Sơn	T. Đức	C. Hương	T. Đức	C. Dung	C. Dung	T. V.Phương	
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Nguyễn Hoàng	Ân	TP.HCM	8,2	9,1	9,1	8,2	8,2	7,3	8,0	9,1	8,5	9,1	8,2	9,1	9,1	9,1	8,7	9,1	9,1	8,2	9,3	9,3
2	Nguyễn Ngọc	Chi	TP.HCM	10,0	9,1	10,0	8,2	8,2	8,2	10,0	9,1	6,5	9,1	9,6	7,8	8,2	9,6	8,7	9,1	8,2	8,2	9,3	9,3
3	Lê Thị Phương	Đài	TP.HCM	9,1	8,2	9,1	7,3	8,2	7,3	9,1	9,1	7,0	7,3	9,1	9,1	8,2	9,1	7,8	9,6	8,2	8,2	8,7	8,7
4	Phạm Thị	Định	TP.HCM	7,7	8,2	8,2	8,2	8,2	7,3	10,0	9,1	7,5	8,2	9,1	9,1	9,1	9,5	8,2	9,1	Thiếu bài kiểm tra	8,2	9,0	9,0
5	Nguyễn Thị Bích	Hà	Sông Bé	8,1	8,2	9,1	8,2	9,1	8,2	10,0	9,1	7,5	8,2	9,1	9,1	9,1	8,6	8,6	9,1	8,2	8,2	9,0	9,0
6	Nguyễn Thị	Hiếu	TP.HCM	7,7	8,2	8,2	8,2	8,2	8,2	10,0	9,1	10,0	7,3	8,2	9,1	9,1	9,6	8,2	9,1	8,2	7,3	9,3	9,3

7	Phạm Thị Thu	Hường	TP.HCM	8,7	9,1	9,1	8,2	7,3	8,2	9,1	9,1	6,0	7,3	8,7	7,8	8,2	9,1	8,2	9,6	5,5	7,3	9,3	9,3
8	Võ Thị Hương	Huyền	Đồng Nai	7,8	8,2	9,1	8,2	8,7	8,2	8,2	9,6	8,0	7,3	8,2	7,8	8,2	9,1	7,8	9,6	8,2	8,2	9,3	9,3
9	Trần Thị Thanh	Huyền	TP.HCM	7,0	8,2	9,1	8,2	7,3	7,3	8,2	9,1	9,5	8,2	7,8	7,8	9,1	9,6	7,8	9,6	8,2	8,2	9,3	9,3
10	Trương Mộng	Linh	TP.HCM	8,9	9,1	9,1	8,2	8,2	8,2	10,0	9,1	8,0	9,1	8,7	8,2	9,1	9,6	8,2	9,1	8,2	8,2	9,3	9,3
11	Nguyễn Thanh	Nhàn		8,7	9,1	9,1	7,3	9,1	8,2	9,1	9,1	9,0	9,1	8,2	9,1	8,2	9,6	8,2	9,6	8,2	8,2	9,3	9,3
12	Phạm Thị Ngọc	Nương	TP.HCM	8,6	8,2	8,2	7,2	7,8	8,2	10,0	9,1	8,0	7,3	8,2	8,2	8,2	9,1	7,8	9,1	8,2	8,2	9,3	9,3
13	Nguyễn Thị Minh	Tâm	TP.HCM	8,2	8,2	8,2	7,3	8,2	7,3	9,1	9,1	7,5	7,3	9,1	8,2	9,1	9,1	7,8	9,6	8,2	8,2	8,7	8,7
14	Nguyễn Thị	Thắm	Hải Dương	8,7	9,1	10,0	7,3	8,2	8,2	8,2	9,6	7,0	7,3	8,2	8,2	8,2	9,6	8,7	9,6	8,2	8,2	9,3	9,3
15	Nguyễn Phú	Tín	Bình Phước	8,2	8,2	8,2	8,2	8,2	7,3	8,2	9,1	7,5	8,2	7,8	7,8	8,2	9,1	8,7	9,6	8,2	8,2	8,7	8,7
16	Nguyễn Văn	Trí	Hà Tây	6,1	6,4	9,1	6,1	7,3	8,0	8,2	9,6	8,5	7,3	8,0	8,2	9,1	8,2	7,6	9,1	8,2	7,3	9,0	9,0
17	Lê	Vân		7,8	7,3	8,2	7,2	8,2	8,2	8,1	9,6	7,0	7,3	8,0	8,2	9,1	9,1	8,7	9,6	8,2	8,2	9,3	9,3
18	Huỳnh Văn	Vinh		9,1	10,0	10,0	8,2	8,2	9,0	10,0	9,1	9,0	9,1	9,1	9,1	9,1	9,5	8,2	9,1	9,1	8,2	9,3	9,3
19	Thái Yến	Xuân		8,7	9,1	8,2	7,3	7,3	8,2	10,0	9,6	8,5	8,2	8,2	9,1	9,1	9,6	8,2	9,6	8,2	7,3	9,3	9,3

GHI CHÚ:

Các học viên thiếu điểm học phần:

1/ Phạm Thị Định (Thiếu bài kiểm tra môn "Kĩ năng đàm phán và tổ chức cuộc họp")

TRƯỞNG KHOA **NGƯỜI LẬP BẢNG**

PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Dung

Trần Thị Như Thảo